



DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.166

BIỂU HIỆN KHUYNH HƯỚNG SỬ THI TRONG HỒI KÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Lê Thị Nhiên^{1*} và Nguyễn Thanh Duy²

¹Bộ môn Ngữ Văn, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

²Học viên cao học ngành Văn học Việt Nam K25, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Lê Thị Nhiên (email: ltnhien@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 27/07/2020

Ngày nhận bài sửa: 03/09/2020

Ngày duyệt đăng: 28/12/2020

Title:

Epic tendency in vietnamese revolutionary memoirs

Từ khóa:

Khuynh hướng sử thi, hồi kí, văn học Việt Nam

Keywords:

Epic tendency, Memoir, Vietnamese literature

ABSTRACT

Surveying the revolutionary memoirs shows that epic tendencies are an important feature in reflecting reality and showing the image of people. The article is to highlight the manifestations of the epic tendency of memoirs through re-enacting important national events and building the image of the people with great stature. This feature of the memoir and some other genres show the movement and development trend of Vietnamese revolutionary literature.

TÓM TẮT

Khảo sát hồi kí cách mạng, khuynh hướng sử thi là một đặc điểm quan trọng trong việc phản ánh hiện thực và thể hiện hình tượng con người. Bài viết làm nổi bật biểu hiện của khuynh hướng sử thi của hồi kí qua việc tái hiện những sự kiện trọng đại của dân tộc và xây dựng hình tượng nhân dân với tầm vóc vĩ đại. Đặc điểm này trong hồi kí nói riêng và các thể loại văn học nói chung cho thấy xu hướng vận động và phát triển của văn học cách mạng Việt Nam.

Trích dẫn: Lê Thị Nhiên và Nguyễn Thanh Duy, 2020. Biểu hiện khuynh hướng sử thi trong hồi kí cách mạng Việt Nam. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(6C): 264-270.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Các nhà lí luận văn học đã khẳng định rằng: “Văn nghệ là một hình thái ý thức, một hình thức của nhận thức, do đó, hiện thực là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng nghệ thuật và đồng thời cũng là cái chìa khóa giải thích được những hiện tượng phức tạp của nghệ thuật” (Phương Lựu, 1997). Không thể phủ nhận những tác động của đời sống thực tại đối với việc hình thành tư duy nghệ thuật và việc sáng tạo hình tượng trong tác phẩm văn chương. Trước những biến động, đổi thay không ngừng của thực tại, người sáng tác luôn phải nắm bắt hiện thực như giữ những nguồn chất liệu quan trọng để tạo nên thế giới nghệ thuật của riêng mình. Thế giới ấy, ngược lại,

bộc lộ được phẩm tính và thế giới quan của chính người sáng tác.

Không thoát khỏi quy luật tất yếu của quá trình phản ánh luận, hồi kí của những người cách mạng được khơi nguồn từ chính hiện thực sinh động của người Việt Nam trong giai đoạn đi tìm đường cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đối tượng nghiên cứu của bài viết là hồi kí của những người yêu nước, người cách mạng viết về quá trình hoạt động trong thời kì bí mật ở nhiều bối cảnh khác nhau; hồi kí về các hoạt động đấu tranh, tuyên truyền cách mạng trong nhà tù thực dân, đế quốc, quá trình đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Riêng đối với hồi kí của các tướng lĩnh kể về các trận đánh, các chiến dịch lịch sử thì những tác phẩm có kể về quá trình cách

mạng ở giai đoạn trước 1945 được lựa chọn để nghiên cứu. Qua việc trần thuật về những điều tai nghe, mắt thấy, hồi kí cách mạng thể hiện đậm nét khuynh hướng sử thi. Xét về tính chất và mức độ phản ánh, bức tranh hiện thực trong hồi kí cách mạng Việt Nam phong phú, rộng lớn và đa diện thông qua trải nghiệm riêng của những người trong cuộc. Họ không viết về một hiện thực nên có mà viết về một hiện thực đã có bằng nhận thức của mình. Đặc biệt, hiện thực trong hồi kí cách mạng là hiện thực được lưu giữ trong tâm thức người kể, hiện thực được thử thách qua thời gian. Những gì được phản ánh trong tác phẩm đều là sự chất lọc của quá trình nhận thức và khát vọng được tái hiện. Đồng thời, hình tượng nghệ thuật trong hồi kí cách mạng không phải là bức tranh được thu nhỏ trong giới hạn của một hay một vài người mà là hiện thực mang đậm dấu ấn thời đại của dân tộc, đất nước.

Từ xa xưa, sử thi đã được sử dụng để đề cao, ca ngợi những người anh hùng với chiến công hiển hách. Hành động của họ gắn liền với lợi ích dân tộc, nhân cách, tài năng của họ đại diện cho khát vọng của cộng đồng (sử thi *Iliat* và *Odyse* của Homer, sử thi *Ramayana* của Valmiki, sử thi *Mahabrata*, sử thi *Đam Săn*,...). Ở thời kì hiện đại, thể loại sử thi không tiếp tục phát triển, tuy nhiên yếu tố sử thi đã được các tác giả sử dụng khá phổ biến, hình thành nên khuynh hướng sử thi, đặc biệt là trong văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975. Các sáng tác mạng khuynh hướng sử thi thường phản ánh những vấn đề trọng đại liên quan đến vận mệnh của dân tộc, đất nước. Nhiều hình tượng kì vĩ về người anh hùng được xây dựng nhằm tôn vinh và ngợi ca khí phách của con người trước sự hung bạo của quân thù. Cho dù là hồi kí thì những vấn đề riêng tư, cá nhân cũng bị làm mờ đi để khắc họa những hình tượng tiêu biểu cho lí tưởng, ý chí và sức mạnh cộng đồng. Bên cạnh đó, giọng điệu trong hồi kí cách mạng mang âm hưởng ngợi ca, thể hiện sự hào sảng, tráng lệ đậm chất sử thi.

2 CÁC PHƯƠNG DIỆN BIỂU HIỆN KHUYNH HƯỚNG SỬ THI TRONG HỒI KÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

2.1 Phương diện đề tài

Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở nước ta là đích đến của một chặng đường dài. Trong quá trình ấy, có biết bao khúc quanh, ngã rẽ đòi hỏi người cách mạng phải sáng suốt, phải có sự lựa chọn đúng đắn. Chính vì lẽ đó, những đề tài, chủ đề trong hồi kí cách mạng không thoát khỏi mục đích tái hiện lại mảng kí ức về những sự kiện quan trọng diễn ra trong nước và trên thế giới. Hồi kí cách

mạng đã thể hiện nhận thức của người viết về tính tất yếu của quá trình lịch sử. Những điều họ tái hiện là những điều họ quan tâm khi tham gia cách mạng và có sự trải nghiệm nghiêm túc, để khi nhìn lại bằng sự chi phối của độ lùi nhất định về thời gian, họ vẫn thể hiện được ý nghĩa vốn có của các sự kiện khi đặt trong hoàn cảnh nó đã nảy sinh và diễn tiến. Trong bài viết *Tự sự và kí ức: phân tư lịch sử trong văn học Việt Nam đương đại*, Đoàn Ánh Dương (2016) cho rằng: “*Nên định hình lịch sử, sáng tạo truyền thống, trung dụng kí ức trở thành nhu yếu để xác lập căn cước/ bản sắc cá nhân và quốc gia – dân tộc. Tìm về/ kiến tạo lịch sử, do vậy, vừa phát xuất bởi tình cảm, vừa là thôi thúc của văn nghệ sĩ trí thức*”. Một điều khác biệt trong việc tái hiện sự kiện lịch sử của hồi kí cách mạng so với các loại hồi kí khác là các tác giả gắn mờ đầu hồi kí với sự khởi đầu của hành trình đi tìm lí tưởng của mình chứ không chú ý đến sự kiện mang tính tiêu sử. Theo quan niệm của Phong Lê (2005): “*Hồi nhớ, việc đó ai mà chẳng có thể làm, nhưng lại không dễ và hiếm người chuyển được nó lên trang viết. Bởi sống và khả năng ghi nhận sự sống là hai chuyện khác nhau. [...] Nghề phải đi kèm với tài năng để sao cho sự thật cuộc đời trở thành sự thật nghệ thuật. Sự thật ấy có thể lạ hoặc quen; nếu là lạ thì phải biến thành quen; hoặc đã quen thì phải lạ hóa nó*”. Hiện thực rộng lớn với ngôn ngôn sự kiện đã được các nhà cách mạng lưu giữ như những kí ức quý giá không thể quên. Đó là một phần tài sản vô giá về quãng đời sôi nổi, hào hùng của họ, là những đề tài được phản ánh mang đậm chất sử thi.

Hồi kí của người cách mạng thường tập trung kể về một sự kiện quan trọng, tiêu biểu. Ở một số tác phẩm, tên sự kiện được đề cập ngay trong nhan đề. Chẳng hạn như: hồi kí *Đảng Thanh Niên* của Trần Huy Liệu kể về sự kiện thành lập Đảng Thanh Niên năm 1925 – 1926; Hồi kí *Dưới hầm Sơn La* của Trần Huy Liệu kể về cuộc đấu tranh của chính trị phạm trong nhà tù Sơn La; Hồi kí *Bác Hồ về nước, Bác Hồ ở Pác Bó* của Lê Quảng Ba kể lại sự kiện Bác trở về nước sau thời gian bốn ba ở nước ngoài, làm việc tại Cao Bằng... Người viết tập trung làm nổi bật những tác động, ảnh hưởng của sự kiện đối với nhận thức của chính mình và những người cùng thời. Trong bối cảnh văn học 1945 - 1975, những sáng tác này giúp cung cấp nhanh những sự kiện trong quá khứ, những quan niệm, nhận thức của người sáng tác và tác động lập tức đến người đọc. Tuy nhiên, điều này làm cho sáng tác còn đơn giản và chưa có sự đầu tư nhất định về phương diện kết cấu, ngôn từ, hình ảnh,...

Khi nhắc đến những sự kiện, người viết hồi kí không kể tỉ mỉ về quá trình, sự diễn biến mà chủ yếu bày tỏ thái độ và cảm xúc. Họ không làm công việc ghi chép lịch sử mà thể hiện sự nhận thức của chính mình và những người cùng thời nhằm khẳng định ý nghĩa của các sự kiện đang được đề cập. Các tác giả hồi kí thường kể về hành trình “nhận đường” gian nan của người cách mạng. Sự rối ren của hiện thực đã thức tỉnh họ, thôi thúc họ đi tìm một tổ chức chân chính cho mình. Vì vậy, việc Nguyễn Ái Quốc hợp nhất các Đảng phái đã trở thành sự kiện có sức ảnh hưởng sâu rộng. Sự kiện này được nhắc đến trong nhiều hồi kí: *Câu chuyện Bác đã kể* của T. Lan, *Bác Hồ ở Pác Bó* của Lê Quảng Ba, *Rời ba được vào Đảng* của Chánh Thi, *Từ nhân dân mà ra* của Võ Nguyên Giáp,... Từ những điều đã chứng kiến, người kể muốn khẳng định tầm quan trọng của Đảng trong việc phát triển nhận thức, củng cố niềm tin và nâng cao tinh thần cách mạng. Sự kiện thành lập Đảng được nhắc đến nhiều trong thơ ca cách mạng, có thể kể đến Tố Hữu, Chế Lan Viên, Hoàng Trung Thông,... Các tác giả bày tỏ niềm vui, sự ngợi ca, thể hiện Đảng thành một biểu tượng kì vĩ và chú ý đến vai trò của Đảng đối với sự phát triển văn học dân tộc. Các nhà viết sử khi đề cập đến sự kiện này đã nhấn mạnh quá trình hợp nhất các đảng phái, còn tác giả hồi kí hướng đến khẳng định những tác động to lớn của sự kiện này đối với sự phát triển tư tưởng, nhận thức của các thế hệ. Họ cho rằng, từ khi có Đảng, nhân dân ta đặc biệt là tầng lớp thanh niên đã xác định được đâu là lẽ sống đúng đắn trong cuộc đời mình. Các tác giả đã cho thấy sự lớn mạnh không ngừng của tổ chức như việc thành lập Mặt trận Việt Minh (*Nhật kí một chặng đường*, Lê Tùng Sơn), sự kiện thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân “*mở đầu truyền thống quyết chiến quyết thắng của quân đội ta*” (Lê Quảng Ba, 1965). Mỗi tác giả với phạm vi hoạt động của mình đã kể về sự phát triển của các cơ sở cách mạng gắn liền với yêu cầu tất yếu của lịch sử. Các sự kiện này là minh chứng cho quá trình phát triển và sự đúng đắn trong phương thức hoạt động của Đảng. Ở đâu có người Việt Nam yêu nước là ở đó có tổ chức soi lối, dẫn đường; cơ sở này bị kẻ thù phá hoại cơ sở khác lập tức ra đời. Sự đúng lúc, kịp thời đã tạo niềm tin vững chắc cho những nhà hoạt động cách mạng và quần chúng nhân dân yêu nước.

Bên cạnh đó, những cao trào cách mạng, những cuộc khởi nghĩa cũng được các tác giả lưu giữ và nhắc đến trong hồi kí như sự khởi đầu về hành trình và bước tiến của dân tộc. Những cao trào 1930 – 1931, 1936 – 1939, khởi nghĩa Bắc Sơn,... được gọi nhắc trong *Làng đỏ* của Ứng Chiêm, *Vài mẩu*

chuyện nông dân đấu tranh trong phong trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh của Hồng Lam hay *Khởi nghĩa Bắc Sơn* của Đào Văn Trường,... như minh chứng hùng hồn cho tinh thần bất khuất của dân tộc. Họ vẫn còn thấy cái không khí sôi nổi, tinh thần quật cường của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống lại sự hà hiếp của kẻ thù, khí thế của phong trào đã tạo động lực, niềm tin cho nhân dân, đồng thời khiến cho kẻ thù phải khiếp sợ. Tác giả hồi kí đã dùng tư duy của người trực tiếp tham gia, chứng kiến quá trình cách mạng để nêu ra những đánh giá, nhận định khi hồi tưởng về quá khứ. Nhờ đó, người đọc có thể hiểu thêm về tâm thế của dân tộc ta trong tiến trình cách mạng. Từ những ngày đầu gian khó, đối mặt với thử thách và thất bại nhưng chưa bao giờ họ lùi bước và luôn có niềm tin vững chắc vào sự lựa chọn của mình.

Người cách mạng luôn khao khát một sự sang trang của lịch sử, một sự thay đổi vận mệnh để dân tộc hoàn toàn thoát khỏi xiềng xích nô lệ. Trong tâm thức họ, sự thắng lợi của cách mạng tháng Tám chính là nguồn vui bất tận, để lại ấn tượng sâu sắc về cuộc đời hoạt động cách mạng và là sự kiện có tầm vóc lớn lao trong lịch sử. Tái hiện trong hồi kí về cuộc cách mạng thần thánh của dân tộc, họ tự hào khi mình là một nhân tố đóng góp cho sự thành công ấy. Họ sung sướng khi được tận mắt chứng kiến những chuyển biến quan trọng trong suốt một quá trình dài. Sự kiện Bắc Hồ về Pác Bó hoạt động bí mật được ghi lại xúc động trong nhiều hồi kí như *Từ nhân dân mà ra* (Võ Nguyên Giáp), *Nhờ dân nhờ Đảng mà trưởng thành* (Nguyễn Lương Bằng), *Bác Hồ ở Pác Bó* (Lê Quảng Ba), *Nhật kí một chặng đường* (Lê Tùng Sơn),... Những thanh niên ngày ấy đã nhận thấy thành công đang đến gần và “*Cách mạng Việt Nam đang chuyển mình theo bước đi của Bác*” (Lê Tùng Sơn, 1978). Người cách mạng như được tiếp thêm sức mạnh, vượt qua mọi thử thách để cùng Bác khai sáng cho nhân dân. Với tư cách người trong cuộc, các tác giả hồi kí nhận thấy, Đảng ta đã có nhiều quyết định sáng suốt, tạo tiền đề cho sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Tác giả cũng nhớ rõ, tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều tác động tích cực đến việc tiến hành công cuộc cách mạng. Có những người mặc dù bị giam cầm vẫn nhớ như in những giây phút ngập tràn niềm hi vọng thoát khỏi lao tù, trở về với cuộc đời tự do hoạt động. Điều này có thể đã được các nhà sử học ghi chép nhưng những cảm xúc của người trong cuộc mới thật sự làm cho sự kiện như sống lại nguyên vẹn dù đã trải qua rất nhiều năm.

Sự toàn thắng của Cách mạng tháng Tám là mảng hồi ức sôi nổi, phấn khởi và đáng tự hào được

nhắc lại trong hồi kí của những người cách mạng. Hồi kí *Ánh sáng đầy rọi* của Nông Văn Lạc đã tổng kết lại quá trình gây dựng cơ sở, tổ chức phong trào trong quần chúng cho đến khi tổng khởi nghĩa ở Cao Bằng. Hình ảnh: “*Gần ba mươi đại biểu năm châu trong tình trạng nghiêm dưới cờ đỏ sao vàng*” (Nông Văn Lạc, 1976) trong ngày 23 tháng 8 năm 1945 vẫn còn nguyên vẹn, in hằn trong tâm thức của ông. Hồi kí *Từ nhân dân mà ra* của Võ Nguyên Giáp có những đoạn liệt kê sự kiện. Chẳng hạn: “*ngày 13 tháng 8, có tin Nhật đầu hàng đồng minh*”; “*11 giờ đêm 13, Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng hạ mệnh lệnh khởi nghĩa cho nhân dân và bộ đội*”; “*ngày 14 tháng 8 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp*”; “*sang ngày 15, được tin đích xác Nhật hoàng đã ra lệnh cho quân đội hấn đầu hàng*” (Võ Nguyên Giáp, 1964). Là một quyền hồi kí dày dặn, nhịp kể khi khoan, khi nhặt; thông tin khi chi tiết, tỉ mỉ, khi nhắc đến thoáng qua; nhưng điều quan trọng là sau những trang viết dài kể lại một quá trình gian khổ, người đọc cảm nhận được không khí sôi nổi, náo nức của những ngày tháng Tám qua nhịp kể của tác giả ở những trang cuối của hồi kí, cho nên đó không chỉ là những thông tin mang tính sử liệu mà là những thông tin mang thông điệp, thông tin biết nói lên cảm xúc, tình cảm của người kể.

Khi viết hồi kí cách mạng, tác giả ưu tiên kể về những sự kiện nổi bật, những kỉ niệm gắn với tổ chức, dân tộc mà ít khi viết về những kỉ niệm riêng tư. Điều này chính là nét khác biệt của hồi kí cách mạng với các tiểu loại khác. Bởi vì, thông thường, hồi kí lấy sự kiện chính là quá trình một đời người với những được – mất, thăng – trầm, buồn – vui. Họ thường lắng lòng mình với những kỉ niệm, riêng hồi kí cách mạng lại hướng ra bên ngoài, sử dụng những hồi ức để minh chứng, khẳng định cho những lí tưởng, lẽ sống: “*Trong mớ sự việc hỗn tạp, anh ta biết tìm ra hiện tượng nào đó mà tự thân nó đã có ý nghĩa tiêu biểu cho cái chung rồi trình bày lại với tất cả sự chính xác và sinh động*” (Nhị Ca, 1971).

2.2 Phương diện hình tượng nghệ thuật

Trong công Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam (tập 6), các tác giả cho rằng: “*Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa, quần chúng nhân dân được miêu tả là lực lượng quyết định, có một vai trò vô cùng to lớn đối với sự phát triển của lịch sử*” (Huỳnh Lý và Trần Văn Hối, 1962). Trên cơ sở đó, văn học cách mạng đã chú trọng và đề cao vai trò của quần chúng nhân dân. Khi gây dựng cơ sở cách mạng, tìm mối liên lạc, kết nối để phong trào thêm lớn mạnh, vững chắc, người cách mạng đã cùng với nhân dân chung vai

sát cánh. Quá trình đó đã góp phần khẳng định vẻ đẹp tâm hồn và những phẩm chất đáng quý của dân tộc. Tô Hữu đã từng viết những vần thơ ngợi ca tinh thần của nhân dân ta:

“*Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa*

Chúng nó chẳng còn mong được nữa

Chặn bàn chân một dân tộc anh hùng

Những bàn chân từ than bụi, lầy bùn

Đã bước tới dưới mặt trời cách mạng”

(*Ta đi tới – Tô Hữu*)

Họ đã từng phải cam chịu, sống những tháng ngày đau khổ trong kiếp nô lệ, nhờ sự giúp đỡ của người cách mạng, họ nhận thức đúng đắn về bản thân, về thời cuộc và đứng lên mạnh mẽ thành quần chúng cách mạng anh hùng.

Trong hồi kí cách mạng, huynh hướng sử thi được thể hiện qua việc xây dựng hình tượng kì vĩ về quần chúng cách mạng với những tình cảm lớn và những phẩm tính cao đẹp bằng cảm hứng ngợi ca. Quần chúng cách mạng là đồng bào mà người kể đã từng gắn bó, tiếp xúc, cùng sinh hoạt, là đối tượng được cán bộ dẫn dắt, giác ngộ trong thời gian hoạt động cách mạng. Họ không phải là hình tượng nhân dân chung chung như trong văn học hư cấu mà họ là những cá nhân có tên tuổi, những tập thể có địa chỉ rõ ràng. Đó là Đại Lâm, là chị Cá, là cô gái người Nùng quê ở Pác Bó được kể đến trong hồi kí *Bác Hồ ở Pác Bó* của Lê Quảng Ba; bà cụ Thuận Hưng Tường trong *Nhật kí một chặng đường* của Lê Tùng Sơn; mẹ Tom ở làng Hanh Cù, ông lang Trường ở tổng Bái gần chợ Vực trong *Nhớ lại một thời* của Tô Hữu, mẹ đồng chí Hoan ở Nà Pán (Cao Bằng) trong *Ánh sáng đầy rọi* của Nông Văn Lạc, cụ Triệu Hữu Hình, chị Triệu Thị Tam ở làng Cây Thị trong *Chuyện làng Mươi* của Triệu Khánh Phương... Khi nhắc lại quãng thời gian cùng nhân dân tiên hành cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Tạo (1977) khẳng định: “*Ngót một trăm năm chính quyền thực dân Pháp áp đặt trên đất nước ta thì ngót một trăm năm không phút nào ngơi, nhân dân nơi này vùng dậy bị dập tắt, nơi khác lại nổi lên chống giặc*”. Tác giả muốn khẳng định sức mạnh của quần chúng nhân dân trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nhân dân là lực lượng chủ yếu bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ tính mạng của người cán bộ, góp phần quan trọng vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến giành độc lập.

Người kể đã nhận thức được vẻ đẹp của nhân dân và thấy được quá trình trưởng thành trong nhận thức

của họ nhờ được ánh sáng cách mạng soi đường, dẫn lối: “*Lần đầu tiên, người nông dân Việt Nam, được ánh sáng của Đảng chiếu rọi vào tâm hồn, đã lớn hẳn lên, tỏ rõ chính mình cũng là một sức mạnh làm nên lịch sử*” (Nguyễn Duy Trinh, 1980). Lê Tùng Sơn cũng từng đau xót và căm phẫn khi chứng kiến cảnh sống lam lũ, cơ cực của đồng bào ta ở Văn Nam. Ông đã đặt mình vào vị trí của nhân dân để thấu hiểu thân phận hèn mọn dưới sự cai trị của thực dân. Thế nên, sự chuyển biến trong tư tưởng, nhận thức và hành động của nhân dân đã để lại trong lòng ông ấn tượng sâu đậm: “*Dưới sự lãnh đạo và giáo dục đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương, khiếu nại ta thoát khỏi sự lừa gạt của những phần tử đầu cơ cách mạng và được giác ngộ về cách mạng vô sản*” (Lê Tùng Sơn, 1978). Từ đó, ông thấy được, chính những người dân yếu đuối đã làm chủ được hành động và tự ý thức được sứ mệnh của mình. Nhân dân không chỉ là hậu phương vững chắc cho cách mạng mà còn là những người dám xông pha vào cuộc chiến đấu khi cách mạng cần. Nhân dân đã trở thành hình tượng tiêu biểu trong văn học dân tộc, sang thế kỷ XX, hình ảnh nhân dân được phác họa trong các hồi kí cách mạng càng đầy đủ, rõ nét.

Nhân dân trong hồi ức của những người cách mạng mang vẻ đẹp kiên cường, bất khuất. Những đòn tra tấn hung bạo, những thủ đoạn đàn áp đẫm máu của kẻ thù cũng không thể làm họ thay đổi tâm lòng đối với cách mạng. Triệu Khánh Phương không thể nào quên được hình ảnh chị Triệu Thị Tam đã quên bản thân mình đi, chỉ nghĩ đến tự do cho người Dao, chỉ nghĩ làm sao thắng kẻ thù để dân làng chị có thêm nhiều ruộng nương để cày cấy. Người phụ nữ chấp nhận mọi đau đớn, lòng chỉ mong cán bộ cách mạng được an toàn. Nhân dân ta lúc ấy dù không có vũ khí, không biết rõ phải đấu tranh như thế nào nhưng luôn nung nấu ý muốn chống trả bởi không chịu được những bất công. Trong hồi kí *Ánh sáng đầy rọi*, Nông Văn Lạc kể lại những lời của người dân Cao Bằng khi tính phương cách chống lại quân xâm lược: “*Phải làm thế nào cả dân làng một bụng một dạ, thẳng nào dám động chạm đến người trong thôn, bản mình, cả làng kéo đến chửi cho chúng một mẻ, cần thui nhau cũng thui, sợ gì, sợ gì, bỏ tù cả làng được à*” (Nông Văn Lạc, 1976). Họ đã muốn dùng mạng sống của mình để tạo áp lực, khiến cho kẻ thù phải e dè cho dù họ biết rằng hành động ấy chỉ là nhất thời có thể chưa đạt được thành quả gì nhưng họ vẫn không muốn bị kẻ thù xem thường, để đầu cúi cổ. Có thể thấy rằng, nhiều người chưa đứng vào hàng ngũ của Đảng, nhưng tinh thần kiên cường, bất khuất của họ đã được hun đúc từ những mối tình cảm bình thường giản dị và trở thành một

phần quan trọng trong truyền thống hào hùng của dân tộc.

Khi viết hồi kí, một lần nữa người cách mạng khẳng định, quần chúng nhân dân là lực lượng quan trọng giúp cho các hoạt động của tổ chức cách mạng thành công. Dù cuộc sống gian khổ, thiếu trước hụt sau, họ vẫn chia sẻ bát cơm manh áo để cán bộ cách mạng yên tâm hoạt động; sẵn sàng hi sinh bản thân mình để che chở cho cán bộ cách mạng. Rất nhiều cán bộ cách mạng ưu tú xuất thân từ quần chúng nhân dân. Cho nên, không phải là sự ngẫu nhiên khi Võ Nguyên Giáp đã đặt nhan đề cho hồi kí đầu tiên của mình là *Từ nhân dân mà ra*. Tố Hữu cũng dành hẳn một chương trong hồi kí với nhan đề “*Trong lòng dân*” để hồi nhớ về tâm lòng của quần chúng nhân dân đối với cách mạng. Tố Hữu nhớ đến mẹ Tom “*đã cứu mạng cán bộ cách mạng trong những năm tháng cực kì gian khổ*”; nhớ đến gia đình anh Cay “*Hai vợ chồng anh làm ruộng, bữa đói bữa no, thế mà cũng gắng sức nuôi giấu tôi rất chu đáo*”; nhớ đến tâm lòng của một chị hàng xóm, cho dù trong nhà “*hết cả gạo thóc, chỉ còn mấy lon ngô mà quyết để dành nuôi cán bộ, dành để cô con gái ăn củ chuối đến trương bụng mà chết*” (Tố Hữu, 2000). Nhắc lại những điều ấy, Tố Hữu vừa bày tỏ lòng biết ơn, vừa không khỏi xót xa, bùi ngùi. Người dân đã hi sinh rất nhiều nhưng không lời than trách, không kể công lao. Khi trở về với nhân dân, được nhân dân che chở, người cách mạng cảm nhận như được sống với tình yêu thương thật sự, cảm nhận được sự ấm áp của gia đình. Khi viết hồi kí *Bác Hồ ở Pác Bó*, Lê Quảng Ba nhìn thấy: “*Quần chúng có ý thức bảo vệ cán bộ rất cao. Có những lần anh em chúng tôi sơ suất để lại dấu chân trên đường, đồng bào tự động dùng cành cây có lá kéo lê trên đường làm cho mất vết tích. Mỗi khi cán bộ chúng tôi đi qua là đồng bào đi theo sau xem có sơ hở gì không*” (Lê Quảng Ba, 1965). Nhân dân đã luôn dõi theo từng bước đi của người cách mạng. Những hành động, những công việc của họ tuy thầm lặng nhưng đã góp phần không nhỏ vào sự thắng lợi của công cuộc cách mạng. Nhân dân là lực lượng chủ yếu để người cách mạng tổ chức các phong trào, thực hiện các kế hoạch hoạt động. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân, niềm tin vào sự thắng lợi của người cách mạng càng rõ ràng, vững chắc hơn.

2.3 Phương diện giọng điệu nghệ thuật

Thông thường, hồi kí mang cảm hứng tự bạch, khát vọng giải bày nên thường thể hiện bằng giọng giải bày, tự bạch nhưng trong hồi kí cách mạng, giọng điệu chính lại là giọng ngợi ca. Các tác giả đã tái hiện lại một thời kì hoạt động sôi nổi, hào hùng

với những thắng lợi vĩ đại của cách mạng dân tộc thông qua những lối kể chuyện giản dị, chân thực. Những con người, những sự việc được kể trong hồi kí như là những kỉ niệm, những kỉ ức đã in sâu trong tiềm thức của người kể. Nhờ lại những năm tháng ấy, những người cách mạng luôn ngập tràn cảm xúc tự hào. Giọng điệu nghệ thuật mang tính chất sử thi khá rõ nét bởi vì mục đích của chuyện kể là nêu gương, ngợi ca và tôn vinh những cái cao cả trong đời sống cách mạng.

Khi viết hồi kí cách mạng, các tác giả không hướng nội mà có xu hướng hướng tới cộng đồng rõ rệt. Trước hết, quần chúng cách mạng là những đối tượng được người kể nhắc đến bằng niềm tự hào, niềm tin mãnh liệt. Nói như tác giả Hồng Lam: *“Lúc bình thường, người nông dân là những người hiền lành, cần cù, chất phác. Quanh năm đầu tắt, mặt tối, hình như họ chỉ biết miêng đất, cái cây. Nhưng không, bên cạnh những đức tính thường thấy đó, họ còn có những đức tính vô cùng đẹp đẽ, nhất là khi được lí luận cách mạng của giai cấp vô sản soi sáng [...] Những người nông dân lầm lì ấy đã vùng lên đấu tranh tiêu diệt quân thù với một khí thế rất dũng cảm, với một đức độ rất cao cả; mặc cho súng bắn, bom rơi, không do dự, không suy tính thiệt hơn”* (Vài mẩu chuyện nhân dân đấu tranh trong phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh). Trong các hồi kí *Từ nhân dân mà ra* (Võ Nguyên Giáp), *Nhân dân ta rất anh hùng* (Hoàng Quốc Việt), *Nhờ dân nhờ Đảng mà trường thành* (Nguyễn Lương Bằng), *Ảnh sáng đầy rồi* (Nguyễn Văn Lạc),... người kể đã bắt đầu từ những cái bình thường của nhân dân để làm nổi bật sự phi thường bởi chính họ đã làm nên một thời kì lịch sử huy hoàng.

Ngoài ra, con người và sự kiện được lựa chọn, gọi nhắc trong hồi kí cách mạng thường mang tính cộng đồng, có tầm ảnh hưởng sâu rộng đối với quá trình cách mạng. Điều này là cơ sở, là nền tảng cho giọng ngợi ca, tuyên truyền. Trước những thủ đoạn của kẻ thù, người cách mạng đã thể hiện tinh thần đấu tranh kiên quyết, khẳng định bản lĩnh của người cách mạng. Khi đứng trước tòa án của kẻ thù, đối mặt với tù đầy, khổ sai và chết chóc, Hoàng Quốc Việt đã đồng đặc khẳng định: *“Tôi vào Đảng cộng sản vì chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa đúng đắn. [...] Tôi vào Đảng cộng sản để đánh đuổi đế quốc Pháp ra khỏi đất nước và đánh đổ phong kiến. Không phải chỉ có mình tôi, ai đã biết cầm bát cơm ăn cũng phải làm cách mạng. Tôi không cần ai tuyên truyền cho tôi cả”* (*Nhân dân ta rất anh hùng*). Những người tù chính trị trong hồi kí Trước tòa “đại hình đặc biệt” Sài Gòn đã bất chấp tính mạng bị đe dọa, mượn tòa án của chúng để tố cáo tội ác của

chúng cho quần chúng nhân dân nhận thức rõ, đồng thời, ngợi ca, tuyên truyền cho phong trào cách mạng ngày càng vững vàng, lớn mạnh và được nhân dân tin tưởng. Khi tên quan tòa gán ghép tội giết người, tội gây rối cho các chính trị phạm, Ngô Gia Tự đã thẳng thắn đáp trả: *“Các ông nói không đúng. Đảng cộng sản là một chính Đảng cách mạng; những người cộng sản không phải ăn cướp, giết người. Chính đế quốc Pháp mới là kẻ ăn cướp, giết người. Đế quốc Pháp đã cướp nước Việt Nam, cấu kết với phong kiến lập nên một chế độ hà khắc, áp bức bóc lột nhân dân chúng tôi hết sức dã man tàn khốc. Chính điều đó đã thúc đẩy chúng tôi đứng lên làm cách mạng để giành độc lập cho Tổ quốc, đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân chúng tôi...”* (Trước tòa “đại hình đặc biệt” Sài Gòn). Dù đối mặt với nhiều thử thách nhưng người cách mạng không bỏ qua bất cứ cơ hội nào để có thể khẳng định sự đúng đắn và cao đẹp của lí tưởng cộng sản.

Giọng điệu ngợi ca trong hồi kí cách mạng còn thể hiện qua sự ngưỡng vọng chân thành của người kể đối với các đối tượng. Khi trần thuật, tác giả thường hướng đến sự đa dạng về các đối tượng được kể. Họ là những người con của mọi miền đất Việt, có chung lòng yêu nước nồng nàn; sự mưu trí, dũng cảm, gan dạ; giàu tình yêu thương và căm thù giặc đến tận xương tủy. Trong hầu hết các hồi kí cách mạng, Bác xuất hiện như là ánh sáng, niềm tin của dân tộc. Riêng ở các tập *Bác Hồ ở Pắc Bó*, *Bác Hồ ở Tân Trào* người kể tập trung làm nổi bật chân dung của Bác trong đời sống hàng ngày và trong công việc, thể hiện tình cảm sâu sắc của mọi người dành cho vị cha già dân tộc. Bên cạnh đó, hồi kí cách mạng còn ca ngợi những người cộng sản trong thời kì hoạt động ở các cơ sở bí mật hoặc bị giam cầm trong nhà lao của bọn thực dân. Đó là Lê Hồng Phong, Trần Huy Liệu, Trần Phú, Phạm Hồng Thái, Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh, Nguyễn Lương Bằng, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Nguyễn Tạo, Nông Văn Lạc. Thông qua những trang hồi kí, tất cả họ hiện lên chân thực, gần gũi, giản dị. Họ phi thường, khác thường khi đối diện với kẻ thù nhưng cũng rất đời thường trong cái ăn, cái mặc, sinh hoạt hàng ngày. Họ không linh thiêng, thần thánh mà là những con người bằng xương bằng thịt, cũng có những niềm vui nỗi buồn, cũng đói khát, cơ cực.

Trong văn chương hư cấu, khi ngợi ca, các tác giả thường tạo ra một mẫu hình lí tưởng, một phẩm chất, tính cách hoàn thiện, hoàn chỉnh để thể hiện khát vọng về một cái đẹp tuyệt đối. Riêng trong hồi kí cách mạng, giọng ngợi ca không mang tính lí tưởng hóa, không phải là tăng bốc mà sự ngợi ca được khơi lên từ những điều rất thật, đời thường.

Niềm tự hào qua sự trần thuật của người kể trong hồi kí là niềm tự hào của những người đã cùng nhau trải qua sinh tử; cùng chứng kiến bao mất mát, hi sinh; cùng tận hưởng niềm vui trong âm vang của những khúc khải hoàn.

3 KẾT LUẬN

Hồi kí cách mạng lấy quá khứ làm đối tượng phản ánh nhưng mục đích của người sáng tác vẫn hướng đến hiện thực kháng chiến sôi nổi trong cả nước đang diễn ra. Chính vì lẽ đó, những sự kiện trọng đại của đất nước và tâm vóc của nhân dân được thể hiện trong các tác phẩm vừa là kỉ niệm sâu sắc của người viết vừa là nhận thức về vai trò, sứ mệnh của nhân dân đối với những biến thiên của lịch sử. Mặc dù đây là một tiểu loại gắn với nhu cầu tự thuật, tự bộc bạch của cá nhân nhưng tâm điểm của hồi kí cách mạng vẫn là thế giới bên ngoài, là cuộc sống và con người trong một thời kì lịch sử nào đây mà tác giả mong muốn được tái hiện. Xuất phát từ tư duy hướng ngoại nên hồi kí cách mạng thường tái hiện những hiện tượng có ý nghĩa xã hội quan trọng, gọi lên những nhận thức có lợi ích chung cho mọi người; hình tượng nhân vật trong tác phẩm vì thế cũng được xác định phải có phẩm chất tiêu biểu, đại diện cho cộng đồng, dân tộc nhằm nêu gương, khích lệ tinh thần chiến đấu. Cảm hứng chủ đạo của hồi kí cách mạng không phải là cảm hứng đòi tư mà là cảm

hứng ngợi ca cho nên giọng điệu thường hào sảng, hùng hồn. Chính những điều này đã làm nổi rõ khuynh hướng sử thi trong hồi kí của những người cách mạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vũ Tuấn Anh, 2001. Đời sống thể loại trong quá trình văn học đương đại. Những vấn đề lí luận và lịch sử văn học. Hà Minh Đức (chủ biên), Trương Đăng Dung, Phan Trọng Thường. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội. 459-492.
- Nhị Ca, 1971. Đóng góp của một mảng văn bộ đội. Nhị Ca, tác phẩm văn học được giải thưởng nhà nước – Từ cuộc đời vào tác phẩm, Dọc đường văn học, Gương mặt còn lại: Nguyễn Thi. NXB Hội Nhà văn. Hà Nội. 319 – 335
- Đoàn Ánh Dương, 2016. Tự sự và kí ức: phân tư lịch sử trong văn học Việt Nam đương đại. Tạp chí Nghiên cứu Văn học, Số 11 (537). 51.
- Phong Lê, 2005. Hơn 50 năm đọc Tô Hoài. Người trong văn (chân dung và tiểu luận). NXB Văn hóa Sài Gòn. TP. Hồ Chí Minh. 57-69.
- Phương Lựu (chủ biên), Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam, Lê Ngọc Trà, La Khắc Hòa và Thành Thế Thái Bình, 2006. Lí luận văn học. NXB Giáo dục. Hà Nội. 63
- Huỳnh Lý và Trần Văn Hối, 1962. Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam tập 6 (1945 - 1960). NXB Giáo dục. Hà Nội. 338